

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tuấn Anh

2. Bà Lý Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 235/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2024/QĐDS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Ngọc L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị L và anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các biên bản trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Ngọc L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hoà hợp, thường hay cãi nhau nên chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, hiện tại chị và anh T vẫn sống chung nhà nhưng thực tế đã ly thân. Nay chị xác định đã không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu xin được ly hôn với anh Phạm Văn T. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Công T1, sinh ngày 04/11/2006 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/8/2011 hiện nay 02 con đang sống chung với anh chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thoả thuận; nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2024, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và bà Hồ Ngọc L kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại B khoảng 03 năm, sau đó về địa chỉ này (xã T) sinh sống cho đến nay. Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2024 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng anh nhận thấy mâu thuẫn này là mâu thuẫn hàng ngày trong đời sống vợ chồng, không có gì lớn. Hiện tại anh chị vẫn còn sống chung. Anh có biết việc chị L nộp đơn xin ly hôn nhưng do anh không đồng ý ly hôn nên không đến Toà án. Chị L tự nộp đơn ly hôn thì tùy Toà án giải quyết chứ anh không đồng ý ly hôn.

Nếu trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, về con chung có 02 con chung là Phạm Công T1, sinh ngày 04/11/2006 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/8/2011 hiện nay 02 con đang sống chung với anh chị, hai con muốn sống cùng ai là tùy nguyện vọng của 02 con, anh không có yêu cầu gì. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh ở nhà làm lò quay, thu nhập không ổn định.

Tài sản chung: tự thoả thuận; nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Chị L có yêu cầu ly hôn, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án thể hiện anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung: có 02 con chung là Phạm Công T1, sinh ngày 04/11/2006 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/8/2011 hiện nay 02 con đang sống chung với anh chị, chị L yêu cầu nuôi 02 con, hai cháu cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L; ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thoả thuận; nợ chung: chị L và anh T khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Ngọc L có đơn khởi kiện anh Phạm Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để yêu cầu giải quyết về việc xin ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Anh Phạm Văn T được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Ngọc L và anh Phạm Văn T chung sống với nhau vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2006 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị L và anh T lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày là do hai vợ chồng thường xuyên bất hòa cự cãi lẫn nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống, cho nên anh chị dù còn sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân. Chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên chị L yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Anh T cho rằng anh chị cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn hàng ngày giữa vợ chồng, không có gì lớn để dẫn đến ly hôn. Chị L xin ly hôn là anh không đồng ý và cũng không đến Tòa án do không đồng ý ly hôn, tùy Tòa giải quyết.

Qua quá trình xác minh thể hiện giữa hai vợ chồng chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn là đúng và hiện nay chị L và anh T vẫn còn sống nhưng đời sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc. Chị L xác định không còn tình thương với anh T nên yêu cầu ly hôn; anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; Tòa án đã triệu tập anh T để tham gia các phiên hoà giải nhưng anh T vẫn vắng mặt thể hiện anh T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân của chị L và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: 02 con chung là Phạm Công T1, sinh ngày 04/11/2006 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/8/2011, hiện nay 02 con đang sống với anh chị. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của con chung. Hiện nay, chị L cũng là người đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Để tạo sự phát triển ổn định cho 02 con chung, đồng thời xét thấy chị L cũng có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, hiện tại chị đang sống bên cạnh nhà cha

mẹ ruột của chị, đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T không có yêu cầu gì về con chung, tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai. Chị L có yêu cầu được nuôi con chung, cháu T1 và cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ nên việc giao 02 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Trước đây chị L có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị thay đổi ý kiến không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền và lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

[4] Về tài sản chung: hai bên tự thoả thuận nên Tòa án không xem xét; về nợ chung: chị L và anh T cùng khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 25, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Ngọc L đối với anh Phạm Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Hồ Ngọc L ly hôn với anh Phạm Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Công T1, sinh ngày 04/11/2006 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/8/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, cha mẹ có thể thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thoả

thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: hai bên tự thoả thuận nên Toà án không xem xét; về nợ chung: Chị L và anh T cùng khai không có nên Toà án không xem xét.

2. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000472 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Mỹ Chánh, Ba Tri, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trần Phương Thảo